TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2024/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày 19 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa:

- Ông **Cà Văn L**; địa chỉ: Bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
- Bà **Lò Thị X**; địa chỉ: Bản X, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Cà Văn L và bà Lò Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Cà Văn L và bà Lò Thị X thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông L và bà X có 01 con chung là cháu Cà Tuấn T, sinh ngày 30/10/2016. Bà X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 500.000 đồng/tháng. Thời điểm tính tiền cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2024; phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Ông Cà Văn L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ của người cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000919 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- UBND xã Nà Nhạn, TP. Điện Biên Phủ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định